



## CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v: Đính chính nội dung trong BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư BIG

- Mã chứng khoán: BIG

- Trụ sở chính: 62/6 Khúc Thừa Dụ, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: 0357 583 468

Fax: 0911 888 842

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư BIG đính chính nội dung trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 với nội dung đính chính như sau:

- Lý do: Phân loại lại dữ liệu về mặt kế toán.

- Nội dung đính chính cụ thể:

| Chỉ tiêu                                    | Nội dung hiện tại | Nội dung sau điều chỉnh |
|---------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
| <b>Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất</b> |                   |                         |
| A. Tài sản ngắn hạn                         | 456.039.795.677   | 397.539.795.677         |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền       | 212.036.894.195   | 153.536.894.195         |
| 1. Tiền                                     | 62.036.894.195    | 3.536.894.195           |
| B. Tài sản dài hạn                          | 144.637.511.278   | 203.137.511.278         |
| I. Các khoản phải thu dài hạn               | 2.285.636.000     | 60.785.636.000          |
| 1. Phải thu dài hạn khác                    | 2.285.636.000     | 60.785.636.000          |
| <b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>           |                   |                         |
| Tăng giảm các                               | (50.854.518.089)  | (109.354.518.089)       |

| Chỉ tiêu                                                    | Nội dung hiện tại                                                                                                 | Nội dung sau điều chỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| khoản phải thu                                              |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh               | (27.223.346.129)                                                                                                  | (85.723.346.129)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                              | 110.806.329.150                                                                                                   | 52.306.329.150                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                            | 212.036.894.195                                                                                                   | 153.536.894.195                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>Thuyết minh 5.1 – Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <p>Tiền mặt tại quỹ: 60.942.346.129 đồng</p> <p>Tổng tiền và các khoản tương đương tiền: 212.036.894.195 đồng</p> | <p>Tiền mặt tại quỹ: 2.442.346.129 đồng</p> <p>Tổng tiền và các khoản tương đương tiền: 153.536.894.195 đồng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>Thuyết minh 5.4 – Các khoản phải thu khác</b>            | Ký quỹ, ký cược dài hạn: 2.285.636.000 đồng                                                                       | <p>Ký quỹ, ký cược dài hạn: 60.785.636.000 đồng</p> <p>Chi tiết gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đối tượng khác: 14.785.636.000 đồng</li> <li>- Ông Võ Phi Nhật Huy: 46.000.000.000 đồng</li> </ul> <p>Khoản đặt cọc bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp tác đầu tư xây dựng khách sạn, nhà hàng tại địa chỉ: Thửa đất số 37, Tờ bản đồ số 11, Đường Huỳnh Phan Hộ, Khu vực 5, Phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ.</li> <li>- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp tác đầu tư dự án căn hộ dịch vụ và shophouse tại địa chỉ: Thửa đất số 732, 733, 734, 735, 736 thuộc Tờ bản đồ số 7, Khu vực 2, Phường Sóc Trăng, TP. Cần Thơ.</li> <li>- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: 100 Đường số 3, Khu nhà ở Phước Kiển, Ấp 4, xã Phước Kiển, Thành phố Hồ Chí Minh</li> </ul> |



| Chỉ tiêu                                                     | Nội dung hiện tại                                                                                                     | Nội dung sau điều chỉnh                                                                                                                                                              |
|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                              |                                                                                                                       | - Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Tổ 26, khu vực 6, Phường An Cựu, Thành phố Huế                                                            |
| <b>Thuyết minh 7.1c</b><br>– Giao dịch với các bên liên quan | Đặt cọc, ký quỹ: 0 đồng                                                                                               | Đặt cọc, ký quỹ, ký cược:<br>Đặt cọc Ông Võ Phi Nhật Huy: 46.000.000.000 đồng                                                                                                        |
| <b>Thuyết minh 7.1d</b><br>– Số dư với các bên liên quan     | Phải thu khác: 9.902.775 đồng<br>+ Ông Võ Phi Nhật Huy tạm ứng: 1.243.008 đồng<br>+ Ông Võ Tuấn Hải tạm ứng: 620 đồng | Phải thu khác: 46.001.243.628 đồng<br>+ Ông Võ Phi Nhật Huy tạm ứng: 1.243.008 đồng<br>+ Đặt cọc cho Ông Võ Phi Nhật Huy: 46.000.000.000 đồng<br>+ Ông Võ Tuấn Hải tạm ứng: 620 đồng |

- Ngoài chỉ tiêu đính chính được đề cập tại văn bản này, tất cả các nội dung còn lại tại BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 vẫn được giữ nguyên, không bị sửa đổi. Việc điều chỉnh thông tin thuyết minh tại chỉ tiêu trên không làm ảnh hưởng, thay đổi đến các chỉ tiêu/nội dung khác đã được thể hiện tại BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 đã công bố.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/08/2026 tại đường dẫn: <https://biggroup.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Công văn đính chính Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 (nội dung tiếng Anh và tiếng Việt).

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN  
PHÁP LUẬT/ NGƯỜI ĐƯỢC UQ CBTT**

  
  
**VÕ PHI NHẬT HUY**





Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2026

### CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v: Đính chính nội dung trong BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày  
30/06/2026

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**  
**- QUÝ CỔ ĐÔNG**

Công ty đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026, báo cáo này đã gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình rà soát, đối chiếu và hoàn thiện hồ sơ, chứng từ liên quan, Công ty xác định có khoản tiền đặt cọc đã được chuyển cho đối tác theo các hợp đồng cần được phân loại lại về mặt kế toán nhằm phản ánh phù hợp hơn bản chất kinh tế và thời hạn của giao dịch. Theo đó, Công ty thực hiện phân loại lại khoản mục nêu trên từ “Tiền và các khoản tương đương tiền” sang “Các khoản phải thu dài hạn” tương ứng với thời hạn của từng khoản đặt cọc. Việc điều chỉnh này chỉ làm thay đổi cơ cấu trình bày các khoản mục tài sản trên Báo cáo tài chính, không làm thay đổi tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chủ động thực hiện việc đính chính nhằm đảm bảo Báo cáo tài chính được trình bày đầy đủ, chính xác, minh bạch và phù hợp với bản chất giao dịch, qua đó cung cấp thông tin rõ ràng và hữu ích hơn cho cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan. Bằng văn bản này chúng tôi xin đính chính lại thông tin cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu                                    | Nội dung hiện tại | Nội dung sau điều chỉnh |
|---------------------------------------------|-------------------|-------------------------|
| <b>Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất</b> |                   |                         |
| A. Tài sản ngắn hạn                         | 456.039.795.677   | 397.539.795.677         |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền       | 212.036.894.195   | 153.536.894.195         |
| 1. Tiền                                     | 62.036.894.195    | 3.536.894.195           |

| Chỉ tiêu                                                    | Nội dung hiện tại                                                                                                                                                                                                              | Nội dung sau điều chỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B. Tài sản dài hạn                                          | 144.637.511.278                                                                                                                                                                                                                | 203.137.511.278                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| I. Các khoản phải thu dài hạn                               | 2.285.636.000                                                                                                                                                                                                                  | 60.785.636.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 1. Phải thu dài hạn khác                                    | 2.285.636.000                                                                                                                                                                                                                  | 60.785.636.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>                           |                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Tăng giảm các khoản phải thu                                | (50.854.518.089)                                                                                                                                                                                                               | (109.354.518.089)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh               | (27.223.346.129)                                                                                                                                                                                                               | (85.723.346.129)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                              | 110.806.329.150                                                                                                                                                                                                                | 52.306.329.150                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                            | 212.036.894.195                                                                                                                                                                                                                | 153.536.894.195                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>Thuyết minh 5.1 – Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <p>Tiền mặt tại quỹ: 60.942.346.129 đồng</p> <p>Tổng tiền và các khoản tương đương tiền: 212.036.894.195 đồng</p>                                                                                                              | <p>Tiền mặt tại quỹ: 2.442.346.129 đồng</p> <p>Tổng tiền và các khoản tương đương tiền: 153.536.894.195 đồng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>Thuyết minh 5.4 – Các khoản phải thu khác</b>            | <p>Khoản phải thu khác dài hạn: 2.285.636.000 đồng</p> <p>Ký quỹ, ký cược dài hạn: 2.285.636.000 đồng</p> <p>Tổng các khoản phải thu khác: 2.295.601.285 đồng</p> <p>Phải thu khác là các bên có liên quan: 9.965.285 đồng</p> | <p>Khoản phải thu khác dài hạn: 60.785.636.000 đồng</p> <p>Ký quỹ, ký cược dài hạn: 60.785.636.000 đồng</p> <p>Chi tiết gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đối tượng khác: 14.785.636.000 đồng</li> <li>- Ông Võ Phi Nhật Huy: 46.000.000.000 đồng</li> </ul> <p>Khoản đặt cọc bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp tác đầu tư xây dựng khách sạn, nhà hàng tại địa chỉ: Thửa đất số 37, Tờ bản đồ số 11, Đường Huỳnh Phan Hộ, Khu vực 5, Phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ.</li> </ul> |





| Chỉ tiêu                                                  | Nội dung hiện tại                                                                                                     | Nội dung sau điều chỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                           |                                                                                                                       | <p>- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp tác đầu tư dự án căn hộ dịch vụ và shophouse tại địa chỉ: Thửa đất số 732, 733, 734, 735, 736 thuộc Tờ bản đồ số 7, Khu vực 2, Phường Sóc Trăng, TP. Cần Thơ.</p> <p>- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: 100 Đường số 3, Khu nhà ở Phước Kiển, Ấp 4, xã Phước Kiển, Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Tổ 26, khu vực 6, Phường An Cựu, Thành phố Huế</p> <p>Tổng các khoản phải thu khác: 60.795.601.285 đồng</p> <p>Phải thu khác là các bên có liên quan: 46.001.243.628 đồng</p> |
| <b>Thuyết minh 7.1c – Giao dịch với các bên liên quan</b> | Đặt cọc, ký quỹ: 0 đồng                                                                                               | Đặt cọc, ký quỹ, ký cược: Đặt cọc Ông Võ Phi Nhật Huy: 46.000.000.000 đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>Thuyết minh 7.1d – Số dư với các bên liên quan</b>     | Phải thu khác: 9.902.775 đồng<br>+ Ông Võ Phi Nhật Huy tạm ứng: 1.243.008 đồng<br>+ Ông Võ Tuấn Hải tạm ứng: 620 đồng | Phải thu khác: 46.001.243.628 đồng<br>+ Ông Võ Phi Nhật Huy tạm ứng: 1.243.008 đồng<br>+ Đặt cọc cho Ông Võ Phi Nhật Huy: 46.000.000.000 đồng<br>+ Ông Võ Tuấn Hải tạm ứng: 620 đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

Ngoài chỉ tiêu đính chính được đề cập tại văn bản này, tất cả các nội dung còn lại tại BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 vẫn được giữ nguyên, không bị sửa đổi. Việc điều chỉnh thông tin thuyết minh tại chỉ tiêu trên không làm ảnh hưởng, thay đổi đến các chỉ tiêu/nội dung khác đã được thể hiện tại BCTC hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026 đã công bố.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Big đính chính đề Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu CT.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BIG



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Kiên Văn Khoa*



**BIG INVESTMENT GROUP  
JOINT STOCK COMPANY**



No: 31/2026/BIG-CBTT

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----o0o-----

Hanoi, Day 24 Month 08 Year 2026

**INFORMATION DISCLOSURE**

*Re: Rectification of Information in the Consolidated Financial Statements for the Period Ended  
June 30, 2026*

**To: State Securities Commission  
Hanoi Stock Exchange**

1. Name of the organization: Big Investment Group Joint Stock Company.

- Stock code: BIG

- Head office: 62/6 Khuc Thua Du Street, Cau Giay Ward, Hanoi City, Vietnam

- Telephone: 0357 583 468

Fax: 0911 888 842

2. Disclosure contents:

BIG Investment Group Joint Stock Company hereby corrects the information in the Consolidated Financial Statements for the period ended June 30, 2026, with the specific details as follows:

- Reason: Accounting reclassification of data.

- Specific corrections:

| Items                                               | Current Information | Revised Information |
|-----------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| <b>Consolidated Statement of financial position</b> |                     |                     |
| A. Current Assets                                   | 456,039,795,677     | 397,539,795,677     |
| I. Cash and cash equivalent                         | 212,036,894,195     | 153,536,894,195     |
| 1. Cash                                             | 62,036,894,195      | 3,536,894,195       |
| B. Non-current Assets                               | 144,637,511,278     | 203,137,511,278     |
| I. Non-current Receivables                          | 2,285,636,000       | 60,785,636,000      |
| 1. Other non-current Receivables                    | 2,285,636,000       | 60,785,636,000      |





| Items                                                 | Current Information                                                                                                                                                                                                            | Revised Information                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Separate Cash flow statements</b>                  |                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| Increase/(decrease) in receivables                    | (50,854,518,089)                                                                                                                                                                                                               | (109,354,518,089)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Net cash inflows (outflows) from operating activities | (27,223,346,129)                                                                                                                                                                                                               | (85,723,346,129)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| NET CASH INFLOWS (OUTFLOWS)                           | 110,806,329,150                                                                                                                                                                                                                | 52,306,329,150                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Cash and cash equivalents at the end of the year      | 212,036,894,195                                                                                                                                                                                                                | 153,536,894,195                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>Note 5.1 – Cash and cash equivalents</b>           | Cash on hand: 60,492,346,129 VND<br>Total cash and cash equivalents: 212,036,894,195 VND                                                                                                                                       | Cash on hand: 2,442,346,129 VND<br>Total cash and cash equivalents: 153,536,894,195 VND                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>Note 5.4 – Other receivables</b>                   | <i>Non-current other receivables: 2,285,636,000 đồng</i><br><i>Non-current deposit: 2,285,636,000 VND</i><br><i>Total other receivables: 2,295,601,285 VND</i><br><i>Other receivables from related parties: 9,965,285 VND</i> | <i>Non-current other receivables: 60,785,636,000 VND</i><br><i>Non-current deposit: 60,785,636,000 VND</i><br><i>+ Mr Vo Phi Nhat Huy: 46,000,000,000 VND</i><br><i>+ Others: 14,785,636,000 VND</i><br><i>Deposit includes:</i><br><i>- Transfer of land use rights and cooperation in the investment and construction of a hotel and restaurant at: Plot No. 37, Map Sheet No. 11, Huynh Phan Ho Street,</i> |

| Items                                                | Current Information                                                                                                                                      | Revised Information                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                      |                                                                                                                                                          | <p>Area 5, Binh Thuy Ward, Can Tho City.</p> <p>- Transfer of land use rights and investment cooperation for a serviced apartment and shophouse project at the following location: Land plots No. 732, 733, 734, 735, and 736 (Map Sheet No. 7), Area 2, Soc Trang Ward, Can Tho City.</p> <p>- Transfer of land use rights and assets attached to the land at: 100 Street No. 3, Phuoc Kien Residential Area, Hamlet 4, Phuoc Kien Commune, Ho Chi Minh City.</p> <p>- Transfer of land use rights and assets attached to the land at: Group 26, Area 6, An Cuu Ward, Hue City.</p> <p>Total other receivables: 60,795,601,285 VND</p> <p>Other receivables from related parties: 46,001,243,628 VND</p> |
| <b>Note 7.1c – Transactions with related parties</b> | <i>Deposit: 0 VND</i>                                                                                                                                    | <p><i>Deposit:</i></p> <p><i>Deposit for Mr Vo Phi Nhat Huy 46,000,000,000 VND</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>Note 7.1d – Balances with related parties</b>     | <p><i>Other receivables: 9,902,775 VND</i></p> <p><i>+ Mr Vo Phi Nhat Huy advance: 1,243,008 VND</i></p> <p><i>+ Mr Vo Tuan Hai advance: 620 VND</i></p> | <p><i>Other receivables: 46,001,243,628 VND</i></p> <p><i>+ Mr Vo Phi Nhat Huy advance: 1,243,008 VND</i></p> <p><i>+ Mr Vo Phi Nhat Huy deposit: 46,000,000,000 VND</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

| Items | Current Information | Revised Information                  |
|-------|---------------------|--------------------------------------|
|       |                     | + Mr Vo Tuan Hai advance:<br>620 VND |

- Apart from the item corrected in this document, all other contents of the Consolidated Financial Statements for the period ended June 30, 2026, remain unchanged and unmodified. The adjustment to the notes for the aforementioned item does not affect or alter any other items/contents presented in the previously published Consolidated Financial Statements for the period ended June 30, 2026.

3. This information was disclosed on the Company's website on August 24, 2026, at the following link: <https://biggroup.vn/>

We hereby commit that the disclosed information is true and accurate, and we take full legal responsibility for the content of the disclosed information.

***Attached documents:***

- *Official Letter on the Correction of Information in the Consolidated Financial Statements for the period ended June 30, 2026 (in Vietnamese and English).*

**ORGANIZATION REPRESENTATIVE /  
LEGAL REPRESENTATIVE /  
AUTHORIZED PERSON FOR  
INFORMATION DISCLOSURE**



**VO PHI NHAT HUY**





**BIG INVESTMENT GROUP  
JOINT STOCK COMPANY**



No.: 13/2026/CV-BIG

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence – Liberty – Happiness**

*Hanoi, 24th August 2026*

*Re: Correction of content in the Consolidated  
Financial statement for the financial period  
ended 30 June 2026*

**INFORMATION DISCLOSURE**

*Re: Correction of content in the Consolidated Financial statement for the financial period ended 30  
June 2026*

**To:**

- STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM
- HANOI STOCK EXCHANGE
- SHAREHOLDERS

The Company has prepared the Consolidated financial statements for the financial period ended 30 June 2026, which has been sent to the State Securities Commission of Vietnam, Hanoi Stock Exchange and disclosed information in accordance with the provisions of law.

However, during the process of reviewing, reconciling, and finalizing relevant records and documentation, the Company identified certain deposits previously transferred to partners that required accounting reclassification to better reflect the economic substance and duration of the transactions. Consequently, the Company reclassified the aforementioned items from "Cash and cash equivalents" to "Long-term receivables," aligning with the specific term of each deposit. This adjustment alters only the presentation structure of asset items within the Financial Statements; it does not change the Company's total assets, equity, or operating results. The Company proactively undertook this correction to ensure the Consolidate Financial Statements are presented fully, accurately, and transparently in accordance with the nature of the transactions, thereby providing clearer and more useful information to shareholders, investors, and other stakeholders. Through this document, we would like to correct the specific information as follows:

| Items                                                       | Current Information | Revised Information |
|-------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| <b>Consolidated<br/>Statement of financial<br/>position</b> |                     |                     |
| A. Current Assets                                           | 456,039,795,677     | 397,539,795,677     |
| I. Cash and cash<br>equivalent                              | 212,036,894,195     | 153,536,894,195     |
| 1. Cash                                                     | 62,036,894,195      | 3,536,894,195       |
| B. Non-current Assets                                       | 144,637,511,278     | 203,137,511,278     |

| Items                                                 | Current Information                                                                                                                                                                                                            | Revised Information                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I. Non-current Receivables                            | 2,285,636,000                                                                                                                                                                                                                  | 60,785,636,000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 1. Other non-current Receivables                      | 2,285,636,000                                                                                                                                                                                                                  | 60,785,636,000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>Separate Cash flow statements</b>                  |                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Increase/(decrease) in receivables                    | (50,854,518,089)                                                                                                                                                                                                               | (109,354,518,089)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Net cash inflows (outflows) from operating activities | (27,223,346,129)                                                                                                                                                                                                               | (85,723,346,129)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| NET CASH INFLOWS (OUTFLOWS)                           | 110,806,329,150                                                                                                                                                                                                                | 52,306,329,150                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Cash and cash equivalents at the end of the year      | 212,036,894,195                                                                                                                                                                                                                | 153,536,894,195                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>Note 5.1 – Cash and cash equivalents</b>           | Cash on hand: 60,492,346,129 VND<br>Total cash and cash equivalents: 212,036,894,195 VND                                                                                                                                       | Cash on hand: 2,442,346,129 VND<br>Total cash and cash equivalents: 153,536,894,195 VND                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>Note 5.4 – Other receivables</b>                   | <i>Non-current other receivables: 2,285,636,000 đồng</i><br><i>Non-current deposit: 2,285,636,000 VND</i><br><i>Total other receivables: 2,295,601,285 VND</i><br><i>Other receivables from related parties: 9,965,285 VND</i> | <i>Non-current other receivables: 60,785,636,000 VND</i><br><i>Non-current deposit: 60,785,636,000 VND</i><br><i>+ Mr Vo Phi Nhat Huy: 46,000,000,000 VND</i><br><i>+ Others: 14,785,636,000 VND</i><br><i>Deposit includes:</i><br><i>- Transfer of land use rights and cooperation in the investment and construction of a hotel and restaurant at: Plot No. 37, Map Sheet No. 11, Huynh Phan Ho Street, Area 5, Binh Thuy Ward, Can Tho City.</i><br><i>- Transfer of land use rights and investment cooperation for a serviced apartment and shophouse project at the following location: Land plots</i> |



| Items                                                | Current Information                                                                                                                                      | Revised Information                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                      |                                                                                                                                                          | <p>No. 732, 733, 734, 735, and 736 (Map Sheet No. 7), Area 2, Soc Trang Ward, Can Tho City.</p> <p>- Transfer of land use rights and assets attached to the land at: 100 Street No. 3, Phuoc Kien Residential Area, Hamlet 4, Phuoc Kien Commune, Ho Chi Minh City.</p> <p>- Transfer of land use rights and assets attached to the land at: Group 26, Area 6, An Cuu Ward, Hue City.</p> <p>Total other receivables: 60,795,601,285 VND</p> <p>Other receivables from related parties: 46,001,243,628 VND</p> |
| <b>Note 7.1c – Transactions with related parties</b> | <i>Deposit: 0 VND</i>                                                                                                                                    | <p><i>Deposit:</i></p> <p><i>Deposit for Mr Vo Phi Nhat Huy 46,000,000,000 VND</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>Note 7.1d – Balances with related parties</b>     | <p><i>Other receivables: 9,902,775 VND</i></p> <p><i>+ Mr Vo Phi Nhat Huy advance: 1,243,008 VND</i></p> <p><i>+ Mr Vo Tuan Hai advance: 620 VND</i></p> | <p><i>Other receivables: 46,001,243,628 VND</i></p> <p><i>+ Mr Vo Phi Nhat Huy advance: 1,243,008 VND</i></p> <p><i>+ Mr Vo Phi Nhat Huy deposit: 46,000,000,000 VND</i></p> <p><i>+ Mr Vo Tuan Hai advance: 620 VND</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

Except for the correction mentioned in this document, all other contents of the Consolidated Financial Statements for the accounting period ended 30 June 2026 remain unchanged and unmodified. The adjustment of the Notes to the Consolidated Financial Statements for the above-mentioned item does not affect or change other items/contents shown in the published financial statements for the financial period ending 30 June 2026.

Big Investment Group Joint Stock Company issues this correction for the information of the State Securities Commission of Vietnam, the Hanoi Stock Exchange, and its shareholders.

Sincerely./.

**Recipients:**

- As addressed;
- Filed at the Company.

**ON BEHALF OF BIG INVESTMENT GROUP  
JOINT STOCK COMPANY**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*Kiên Văn Khoa*